

Bản án số: 10/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 31/3/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Chỉ.
- Ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đồng Thị N, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh K, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Đồng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc K được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/10/2016 tại UBND xã L (nay là xã H), huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không thống nhất được trong cách làm kinh tế và sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được gia đình hai bên khuyên giải, góp ý nhưng không được cải thiện. Đến nay chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị xin ly hôn anh K

- Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 27/9/2017 và Nguyễn Minh K2, sinh ngày 22/02/2024. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu K2, còn anh K sẽ nuôi cháu K1, Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh Nguyễn Ngọc K. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K. Tuy nhiên anh K không đến Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

- Ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của anh Nguyễn Ngọc K trình bày: Anh K và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn anh K, chị N chung sống vui vẻ, hạnh phúc và sinh sống tại địa phương. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ông nghe chị N nói do anh K lười lao động, không chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng cãi vã nhưng không đánh nhau. Từ khoảng tháng 7/2024 đến nay, chị N đưa hai con nhỏ về mẹ đẻ sinh sống nhưng không nói gì với ông. Nay chị N xin ly hôn anh K, ông mong các con quay về chung sống với nhau, còn nếu không sống được với nhau thì tùy anh chị. Khi ly hôn, nếu anh K được nuôi con thì gia đình ông sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện trong việc nuôi con, có trách nhiệm dạy bảo cháu trong lúc anh K đi làm. Ông có trao đổi với anh K về việc chị N xin ly hôn nhưng do công việc bận không đến Tòa án được. Anh K đề nghị Tòa án cứ xét xử vắng mặt, giao cháu nào cho anh nuôi dưỡng thì anh cũng đồng ý.

- Bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ của chị N trình bày: Chị N và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà anh K và có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K lười lao động, không chịu làm kinh tế để chăm lo gia

đình. Chị N phải làm mọi việc để nuôi sống cả gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Do mâu thuẫn kéo dài, không thể giàn xếp được nên chị N đã về nhà bà sinh sống từ tháng 7/2024 đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Từ đó đến nay, anh K cũng không đến thăm nom vợ con. Anh K, chị N có 2 con chung, hiện đang ở cùng chị N. Nếu ly hôn, chị N được nuôi dưỡng cả hai con, gia đình bà sẽ hỗ trợ mẹ con chị N về chỗ ở, đưa đón các cháu đi học.

- Tại biên bản xác minh về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn của chị N và anh K, đại diện UBND xã H và đại diện thôn B cung cấp: chị N và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký ngày 20/10/2016 tại UBND xã L (nay là xã H). Sau ngày cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K mãi chơi, không chịu làm ăn để chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Hiện chị N đã đưa hai con về nhà mẹ để sinh sống từ tháng 7/2024, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N có đơn đề nghị xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại công văn số 308 ngày 22/01/2025 của Phòng Q – Công an tỉnh H xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Nguyễn Ngọc K.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh K và nuôi con chung là Nguyễn Minh K2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh K2, sinh ngày 22/02/2024 cho chị Đồng Thị N nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn

Nguyễn Duy K1, sinh ngày 27/9/2017 cho anh Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh K vắng nhà, tạm giao con chung cho ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của anh K được thay mặt anh K chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.
- Án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đồng Thị N khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung đối với anh Nguyễn Ngọc K có địa chỉ thường trú tại xã H, huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh K và ông L đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Đồng Thị N và anh Nguyễn Ngọc K kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2016 tại UBND xã L (nay là xã H), huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh K. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh K có 02 con chung là Nguyễn Minh K2, sinh ngày 22/02/2024 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 27/9/2017. Cháu K1 có nguyện vọng được ở với anh K. Chị N cũng có nguyện vọng nuôi cháu K2 và để cháu K1 cho anh K nuôi dưỡng. Ông L là bố đẻ anh K cũng xác định anh K có

trao đổi với ông nếu Tòa án giao cháu K1 cho anh K nuôi dưỡng thì anh K cũng nhất trí. Ông L cũng sẽ hỗ trợ việc chăm sóc, giáo dục cháu K1 trong lúc anh K vắng nhà. Mặc dù anh K không có mặt ở nhà nhưng để đảm bảo quyền lợi cháu K1 và theo nguyện vọng của con chung, cần tiếp tục giao cháu K1 cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu K2 cho chị N nuôi dưỡng. Trong thời gian anh K vắng nhà, tạm giao con chung cho ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của anh K được thay mặt anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Đồng Thị N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc K.

2. Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh K2, sinh ngày 22/02/2024, giao cho anh Nguyễn Ngọc K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 27/9/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh K vắng nhà, tạm giao con chung là Nguyễn Duy K1 cho ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của anh K được thay mặt anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006457 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, chị N đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Kim Thành (số đăng ký KH: 40/2016);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà